

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
BỆNH VIỆN QUÂN DÂN Y SÓC TRĂNG



BÁO CÁO

**ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH SỬ DỤNG THUỐC QUA PHÂN TÍCH
ABC, VEN TẠI BỆNH VIỆN QUÂN DÂN Y SÓC TRĂNG**

(Từ ngày 01/01/2025 -31/12/2025)

Thực hiện:

1. DS Phan Ngọc Tuyền
2. DSCĐ Phạm Lâm Minh Khánh

Tháng 12 năm 2025

MỤC LỤC

Trang

Chương 1. KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐÁNH GIÁ.....	1
1.1. Phân tích tỉ lệ thuốc theo nguồn gốc sản xuất và nhóm tác dụng điều trị.....	1
1.1.1. Phân tích tỉ lệ sử dụng thuốc theo nguồn gốc nước sản xuất.....	1
1.1.2. Phân tích tỉ lệ sử dụng thuốc theo nhóm tác dụng điều trị.....	1
1.2. Phân tích sử dụng thuốc theo phương pháp phân tích ABC.....	2
1.3. Phân tích sử dụng thuốc theo phương pháp phân tích VEN	2
1.4. Phân tích sử dụng thuốc theo phương pháp phân tích kết hợp ABC/VEN.....	3
Chương 2: ĐÁNH GIÁ.....	6
2.1. Phân tích tỉ lệ thuốc theo nguồn gốc sản xuất và nhóm tác dụng điều trị.....	6
2.2. Sử dụng thuốc tại bệnh viện theo phân tích ABC.....	6
3.3. Sử dụng thuốc tại bệnh viện theo phân tích VEN	6
2.4. Phân tích sử dụng thuốc kết hợp ABC/VEN.....	7
KẾT LUẬN.....	8
KIẾN NGHỊ.....	9
TÀI LIỆU THAM KHẢO	

DANH MỤC CÁC BẢNG

	<i>Trang</i>
Bảng 1.1.1. Tỷ lệ thuốc sản xuất trong nước và ngoại nhập.....	1
Bảng 1.1.2. Tỷ lệ thuốc theo nhóm tác dụng điều trị	1
Bảng 1.2. Giá trị thuốc sử dụng qua theo phân tích ABC.....	2
Bảng 1.3. Giá trị thuốc sử dụng qua theo phân tích VEN.....	3
Bảng 1.4a. Phân tích ma trận ABC/VEN.....	3
Bảng 1.4b. Giá trị thuốc sử dụng qua theo phân tích ma trận ABC/VEN.....	4
Bảng 1.4c. Nhóm thuốc loại I qua theo phân tích ma trận ABC/VEN.....	5

CHƯƠNG 1. KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐÁNH GIÁ

1.1. Phân tích tỉ lệ sử dụng thuốc theo nguồn gốc nước sản xuất (trong nước và ngoại nhập) và theo nhóm tác dụng điều trị

1.1.1. Phân tích tỉ lệ sử dụng thuốc theo nguồn gốc nước sản xuất (trong nước và ngoại nhập)

Bảng 1.1.1. Tỉ lệ thuốc sản xuất trong nước và ngoại nhập

Nội dung	Thuốc		Giá trị tiêu thụ		
	Số lượng	Tỉ lệ %	Thành tiền	Tỉ lệ %	So với kỳ trước (*)
Thuốc sản xuất trong nước	339	88,51	18.761.118.443	83,33	
Thuốc ngoại nhập	44	11,49	3.752.603.035	16,67	
Tổng số	383	100	22.513.721.478	100	

(*) không thực hiện, do năm 2024 không phân tích, đánh giá sử dụng thuốc.

Nhận xét:

Tỉ lệ sử dụng thuốc sản xuất trong nước chiếm tỷ trọng cao 83,33 (%) giá trị tiêu thụ, đáp ứng tốt so với chỉ tiêu (75%) đã đề ra trong đề án “Người Việt Nam ưu tiên dùng thuốc Việt Nam”, thuốc ngoại nhập chiếm rất thấp chỉ có 16,67 (%) giá trị tiêu thụ.

1.1.2. Phân tích tỉ lệ sử dụng thuốc theo nhóm tác dụng điều trị

Bảng 1.1.2. Tỉ lệ thuốc theo nhóm tác dụng điều trị

Nội dung	Thuốc		Giá trị tiêu thụ		
	Số lượng	Tỉ lệ %	Thành tiền	Tỉ lệ %	So với kỳ trước (*)
Nhóm kháng sinh	50	13,05	3.599.316.330	15,99	
Nhóm corticoid	6	1,57	207.593.833	0,92	
Nhóm dịch truyền	8	2,09	68.409.391	0,30	
Nhóm vitamin	19	4,96	830.112.591	3,69	
Nhóm thuốc khác	300	78,33	17.808.289.333	79,10	
Tổng số	383	100	22.513.721.478	100	

(*) không thực hiện, do năm 2024 không phân tích, đánh giá sử dụng thuốc.

Nhận xét: Tỷ lệ sử dụng nhóm thuốc kháng sinh là 50 mặt hàng chiếm 15,99 (%) giá trị tiêu thụ, nhóm thuốc vitamin là 19 mặt hàng chiếm 3,69 (%) giá trị tiêu thụ.

1.2. Phân tích sử dụng thuốc theo phương pháp phân tích ABC

Tổng giá tiền của từng mặt hàng sử dụng trong khoảng thời gian khảo sát, sắp xếp các sản phẩm theo thứ tự giảm dần như sau:

- Hạng A: gồm những sản phẩm có giá trị từ 1.736.152.761 đồng đến 107.772.000 đồng.
- Hạng B: gồm những sản phẩm có giá trị từ 101.543.290 đồng đến 26.763.728 đồng.
- Hạng C: gồm những sản phẩm có giá trị từ 26.319.762 đồng đến 1.650 đồng.

Bảng 1.2. Giá trị thuốc sử dụng qua theo phân tích ABC

Loại	Số lượng	Tỷ lệ % (Số lượng)	Tổng chi phí (VNĐ)	Tỷ lệ % (Tổng chi phí)	Tỷ lệ % (Chi phí tích lũy)	So với kỳ trước (*)
A	49	12,79	17.034.031.523	75,66	75,66	
B	66	17,23	3.894.697.627	17,30	92,96	
C	268	69,97	1.584.992.328	7,04	100	
Tổng cộng	383	100	22.513.721.478	100		

(*) không thực hiện, do năm 2024 không phân tích, đánh giá sử dụng thuốc.

Nhận xét: Từ kết quả phân tích bảng 1.2a cho thấy:

- Nhóm thuốc loại A có số lượng sử dụng chiếm 12,79 (%) nhưng chiếm đến 75,66 (%) tổng giá trị chi phí. Vậy nhóm A với số lượng thuốc ít nhưng chiếm giá trị tiêu thụ cao nhất.

- Nhóm thuốc loại B số lượng sử dụng 17,23 (%) và chiếm 17,30 (%) tổng chi phí sử dụng.

- Cuối cùng là nhóm thuốc loại C chiếm số lượng 69,97 (%), nhưng chỉ chiếm 7,04 (%) tổng chi phí sử dụng.

1.3. Phân tích sử dụng thuốc theo phương pháp phân tích VEN

Từ số liệu phân tích VEN được thể hiện theo bảng sau:

Bảng 1.3. Giá trị thuốc sử dụng qua theo phân tích VEN

Loại	Số lượng	Tỉ lệ % (Số lượng)	Tổng chi phí (VNĐ)	Tỉ lệ % (Tổng chi phí)	Tỉ lệ % (Chi phí tích lũy)	So với kỳ trước (*)
V	91	23,76	3.603.071.073	16,00	16,00	
E	222	57,96	15.899.929.629	70,62	86,63	
N	70	18,28	3.010.720.776	13,37	100	
Tổng	383	100	22.513.721.478	100		

(*) không thực hiện, do năm 2024 không phân tích, đánh giá sử dụng thuốc.

Nhận xét:

Nhóm thuốc tối cần thiết (nhóm V): chiếm 23,76 (%) số lượng và chiếm tỷ lệ chi phí thấp 16,00 (%) tổng chi phí sử dụng.

Nhóm thuốc thiết yếu (nhóm E): chiếm 57,96 (%) số lượng và chiếm phần lớn chi phí thuốc tại bệnh viện 70,62 (%) tổng chi phí sử dụng.

Nhóm thuốc không thiết yếu (nhóm N): chiếm 18,28 (%) số lượng và chiếm 13,37 (%) tổng chi phí sử dụng.

1.4. Phân tích sử dụng thuốc theo phương pháp phân tích kết hợp ABC/VEN

Bảng 1.4a. Phân tích ma trận ABC/VEN

ABC/VEN	V		E		N		Phân loại
	Kết hợp	Số lượng	Kết hợp	Số lượng	Kết hợp	Số lượng	
A	AV	8	AE	35	AN	6	loại I
B	BV	11	BE	41	BN	14	loại II
C	CV	72	CE	146	CN	50	loại III
Tổng cộng		91		222		70	383

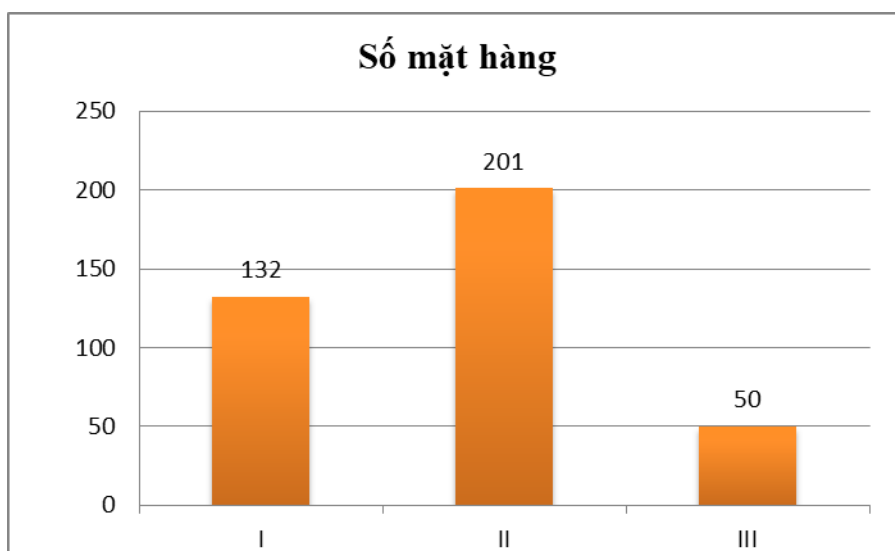
Nhận xét: Qua phân tích ma trận ABC/VEN cho thấy tổng số 383 mặt hàng có:

- Loại I gồm mặt hàng thuốc đắt tiền và rất quan trọng ảnh hưởng đến sinh mạng: AV, BV, CV, AE và AN.
- Loại II gồm các mặt hàng còn lại của nhóm E và B: BE, BN và CE.
- Loại III gồm thuốc rẻ và không quan trọng: CN

Bảng 1.4b. Giá trị thuốc sử dụng qua theo phân tích ma trận ABC/VEN

Phân loại	Số lượng	Tỉ lệ % (Số lượng)	Tổng chi phí (VNĐ)	Tỉ lệ % (Tổng chi phí)	Tỉ lệ % (Chi phí tích lũy)	So với kỳ trước theo Tỉ lệ % (Tổng chi phí) (*)
I	132	34,46	18.002.506.896	79,96	81,19	
II	201	52,48	4.200.773.337	18,66	98,75	
III	50	13,05	310.441.245	1,38	100	
Tổng	383	100	22.513.721.478	100		

(*) không thực hiện, do năm 2024 không phân tích, đánh giá sử dụng thuốc.

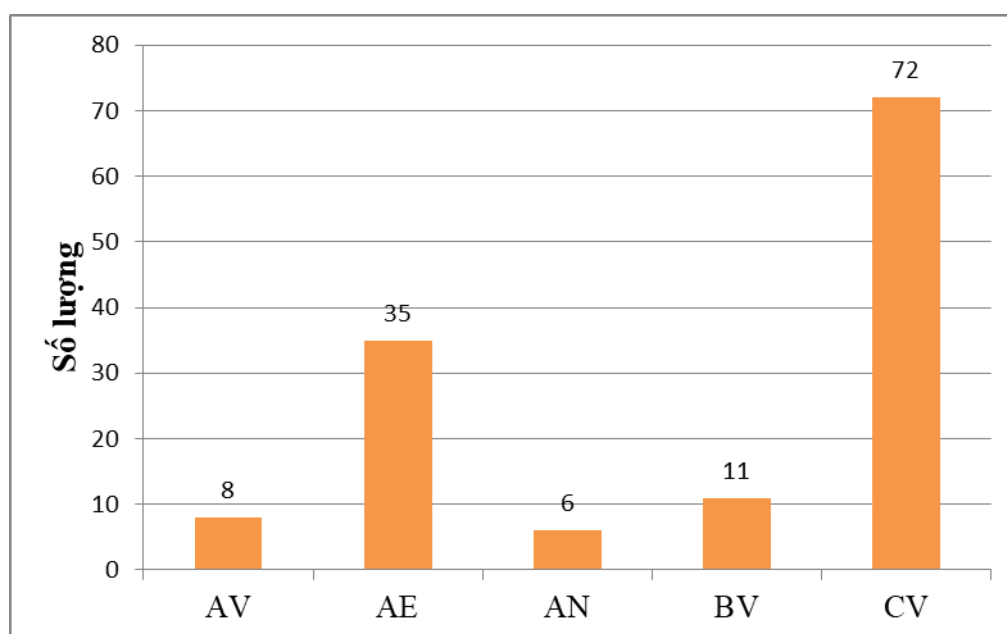


Nhận xét: Qua phân tích loại thuốc cho thấy:

LOẠI I: gồm các mặt hàng thuốc đắt tiền và rất quan trọng (AV+BV+CV+AE+AN) có 132 mặt hàng, chiếm 34,46 (%) tổng sản phẩm, nhưng lại chiếm giá trị cao nhất 79,96 (%) tổng chi phí sử dụng.

Bảng 1.4c. Nhóm thuốc loại I qua theo phân tích ma trận ABC/VEN

Loại I	Số lượng mặt hàng	Tổng chi phí (VNĐ)	Tỉ lệ % (Tổng chi phí)
AE	35	12.383.225.285	55,00
AV	8	2.634.595.700	11,70
AN	6	2.016.210.538	8,96
BV	11	634.225.986	2,82
CV	72	334.249.387	1,48
Tổng	132	18.002.506.896	79,96



Nhận xét: Qua phân tích loại thuốc cho thấy có 03 nhóm chiếm tỉ lệ cao là: nhóm AE chiếm 55,00 (%), nhóm AV chiếm 11,70 (%) và nhóm AN chiếm 8,96 (%).

LOẠI II: gồm mặt hàng thuốc còn lại của nhóm E và B (BE+BN+CE) có 201 mặt hàng, chiếm 52,48 (%) tổng sản phẩm và chiếm 18,66 (%) tổng chi phí sử dụng. Nhóm này điều trị cho các bệnh tương đối nặng nhưng ít nghiêm trọng hơn.

LOẠI III: bao gồm thuốc rẻ và ít quan trọng CN: có 50 mặt hàng, chiếm 13,05 (%) tổng sản phẩm và chiếm giá trị thấp nhất 1,38 (%) tổng chi phí sử dụng. Thuốc này được xem là ưu tiên thấp hơn so với các loại thuốc trong danh mục.

CHƯƠNG 2. ĐÁNH GIÁ

Qua khảo sát đánh giá danh mục thuốc sử dụng trong bệnh viện (từ tháng 01/01/2025-31/12/2025) có 383 mặt hàng, với tổng chi phí sử dụng là 22.513.721.478 đồng.

2.1. Phân tích tỉ lệ sử dụng thuốc theo nguồn gốc sản xuất và theo nhóm tác dụng điều trị

Sử dụng thuốc tân dược có tỉ lệ sản xuất trong nước chiếm tỷ trọng cao 88,51 (%) số lượng mặt hàng và chiếm 83,33 (%) tổng chi phí sử dụng và sử dụng thuốc ngoại nhập rất thấp, chiếm 11,49 (%) số lượng mặt hàng và 16,67 (%) tổng chi phí sử dụng. Qua đó cho thấy công tác cung ứng thuốc sử dụng tại bệnh viện, được quan tâm nhiều đến thuốc sản xuất trong nước, đáp ứng tốt chỉ tiêu trong đề án “Người Việt Nam ưu tiên dùng thuốc Việt Nam” đây cũng là nguyên nhân góp phần làm giảm chi phí điều trị và giảm tỉ lệ sử dụng tại bệnh viện.

Tỉ lệ sử dụng nhóm thuốc theo tác dụng điều trị với nhóm kháng sinh chiếm 13,05 (%) số lượng mặt hàng và chiếm 15,99 (%) giá trị tiêu thụ; nhóm thuốc corticoid chiếm 1,57 (%) số lượng mặt hàng, chiếm 0,92 (%) giá trị tiêu thụ; nhóm thuốc dịch truyền chiếm 2,09 (%) số lượng mặt hàng, chiếm 0,30 (%) giá trị tiêu thụ; và nhóm thuốc vitamin chiếm 4,96 (%) số lượng mặt hàng, chiếm 3,69 (%) giá trị tiêu thụ.

2.2. Sử dụng thuốc tại bệnh viện theo phân tích ABC

Tình hình sử dụng thuốc kỳ này, số lượng thuốc sử dụng là 383 mặt hàng, với tổng chi phí là 22.513.721.478 đồng, trong đó:

+ Nhóm thuốc loại A: có số lượng tiêu thụ là 49 mặt hàng chiếm 12,79 (%) và chiếm tổng chi phí là 75,66 (%). Vậy nhóm A với ít loại thuốc nhưng chiếm chi phí cao nhất. Cần xem xét nhóm thuốc A, nhất là các thuốc chiếm tỉ trọng cao, cần nhắc trong sử dụng và đề xuất lựa chọn thay thế phù hợp nhằm giảm chi phí điều trị.

+ Nhóm thuốc loại B: số lượng tiêu thụ là 66 mặt hàng chiếm 17,23 (%) và chiếm tổng chi phí là 17,30 (%).

+ Nhóm thuốc loại C: số lượng tiêu thụ là 268 mặt hàng chiếm 69,97 (%) và chiếm tổng chi phí là 7,04 (%). Nhóm thuốc loại C mặc dù sử dụng với số lượng nhiều nhất, nhưng tổng chi phí sử dụng là thấp nhất.

Như vậy theo phân tích ABC cần phải đặc biệt quan tâm, xem xét các loại thuốc nhóm A khi xây dựng danh mục thuốc, cũng như trong sử dụng và tồn trữ.

2.3. Sử dụng thuốc tại bệnh viện theo phân tích VEN

Từ kết quả phân tích VEN cho thấy:

+ Nhóm thuốc V: số lượng tiêu thụ là 91 mặt hàng chiếm 23,76 (%) và chiếm tổng chi phí là 16,00 (%);

+ Nhóm thuốc E: số lượng tiêu thụ là 222 mặt hàng chiếm 57,96 (%) và chiếm tổng chi phí là 70,62 (%);

+ Nhóm thuốc N: số lượng tiêu thụ là 70 mặt hàng chiếm 18,28 (%) và chiếm tổng chi phí là 13,37 (%).

Với thuốc nhóm V có số lượng sử dụng là 91 mặt hàng chiếm 23,76 (%) và tỷ trọng chi phí thấp 16,00 (%), là bệnh viện hạng 3 sử dụng thuốc thuộc phạm vi của tuyến, nên chi phí sử dụng này là hợp lý.

2.4. Phân tích sử dụng thuốc kết hợp ABC/VEN

Qua phân tích ma trận ABC/VEN cho thấy: việc kết hợp ABC - VEN có lợi trong kiểm soát các mặt hàng có ý nghĩa về mặt kinh tế và điều trị.

+ Loại I (AV, BV, CV, AE, và AN) có số lượng 132 sản phẩm chiếm tỉ lệ 34,46 (%) nhưng lại chiếm giá trị cao nhất đến 79,96 (%) tổng chi phí sử dụng thuốc. Đây là những thuốc rất quan trọng cần phải có cơ sở tồn kho hợp lý, tránh để thiếu thuốc sử dụng. Tuy nhiên trong đó tiểu nhóm AN có 6 mặt hàng chiếm 8,96 (%) tổng chi phí hàng năm, chiếm giá trị cao là nhóm thuốc đắt tiền nhưng không quan trọng, cần giới hạn tồn kho có kiểm soát, cần thiết nên xem xét loại bỏ các thuốc này ra khỏi danh mục, nhằm tiết kiệm đáng kể chi phí mà không ảnh hưởng đến chất lượng điều trị.

+ Loại II với số lượng 201 sản phẩm chiếm tỉ lệ 52,48 (%) và chiếm 18,66 (%) tổng chi phí sử dụng thuốc. Nhóm này mức độ quan trọng trung bình.

+ Và Loại III với số lượng 50 sản phẩm chiếm tỉ lệ 13,05 (%) và là loại chiếm giá trị thấp nhất 1,38 (%) tổng chi phí sử dụng thuốc trong bệnh viện. Đây là loại thuốc không cần thiết và rẻ tiền, cần xem xét loại bỏ, tuy nhiên qua kết quả phân tích cho thấy chi phí không đáng kể.

KẾT LUẬN

Kết quả đánh giá có 383 loại thuốc sử dụng trong bệnh viện. Tổng chi phí sử dụng là 22.513.721.478 đồng.

Theo nguồn gốc nước sản xuất và tác dụng điều trị: Bệnh viện sử dụng thuốc sản xuất trong nước chiếm tỉ trọng cao 88,51 (%) tổng chi phí. Sử dụng nhóm thuốc kháng sinh chiếm 13,05 (%) giá trị là tương đối phù hợp.

Theo phân tích ABC: Có 49 mặt hàng được xếp nhóm A chiếm 12,79 (%) sản phẩm, nhưng chiếm đến 75,66 (%) tổng chi phí sử dụng, 66 mặt hàng được xếp nhóm B chiếm 17,23 (%) sản phẩm với 17,30 (%) tổng chi phí sử dụng, còn lại là 268 mặt hàng được xếp nhóm C chiếm 69,97 (%) sản phẩm nhưng có giá trị thấp nhất chiếm 7,04 (%) tổng chi phí sử dụng.

Theo phân tích VEN: có 91 mặt hàng là thuốc tối cần thiết (nhóm V) chiếm 23,76 (%) sản phẩm, chiếm 16,00 (%) tổng chi phí. Kế tiếp có 222 mặt hàng là thuốc thiết yếu (nhóm E) chiếm 57,96 (%) sản phẩm, chiếm 70,62 (%) tổng chi phí. Còn lại là 70 mặt hàng là thuốc không thiết yếu (nhóm N) chiếm 18,28 (%) sản phẩm, chiếm 13,37 (%) tổng chi phí.

Phân tích sử dụng thuốc kết hợp ABC/VEN

- Loại I là những mặt hàng đắt tiền và rất quan trọng ảnh hưởng đến sinh mạng gồm 132 sản phẩm chiếm tỉ lệ 34,46 (%) chiếm giá trị cao nhất đến 79,96 (%), đây là thuốc cần ưu tiên quan tâm hàng đầu.

- Loại II là nhóm mặt hàng cần kiểm soát kỹ với chi phí cũng tương đối cao gồm với số lượng 201 sản phẩm chiếm tỉ lệ 52,48 (%) và chiếm 18,66 (%) tổng chi phí, là loại thuốc quan tâm trung bình.

- Loại III là mặt hàng rẻ tiền và không quan trọng với số lượng 50 sản phẩm chiếm tỉ lệ 13,05 (%) và là loại chiếm giá trị thấp nhất 1,38 (%), thuốc ưu tiên thấp nhất trong dự trù mua sắm.

Kết quả phân tích sử dụng thuốc theo phương pháp phân tích ABC, VEN và phân tích ma trận ABC/VEN. Chỉ ra được những thuốc chiếm chi phí cao, đánh giá được mức độ tiêu thụ, từ đó đề xuất các biện pháp can thiệp điều chỉnh giữa các nhóm thuốc hợp lý trong phân loại thuốc thiết yếu và không thiết yếu, nhằm đưa ra các tiêu chí lựa chọn ưu tiên trong sử dụng và tồn trữ thuốc tại bệnh viện, cũng như đề xuất bổ sung hoặc loại bỏ các thuốc sử dụng cho những năm tiếp theo.

KIẾN NGHỊ

Trong quá trình xây dựng Danh mục thuốc của bệnh viện sử dụng hàng năm, Hội đồng thuốc và điều trị cần đưa ra hướng lựa chọn cho phù hợp với thực tế của đơn vị, cần loại bỏ những thuốc không thiết yếu khỏi danh mục để giảm được chi phí điều trị của đơn vị, đồng thời giảm tốn kém cho bệnh nhân, cũng như cân đối hợp lý quỹ BHYT.

Tăng tỉ lệ sử dụng thuốc sản xuất trong nước, qua việc khuyến khích các bác sĩ chỉ định ưu tiên sử dụng thuốc sản xuất trong nước. Cần thiết cân nhắc khi kê đơn các thuốc bổ trợ như vitamin và khoáng chất.

Giám sát chặt chẽ các mặt hàng thuốc nhóm loại I (AV, AE, BV) chiếm tỉ trọng cao nhất, đây là những thuốc rất quan trọng, vì vậy cần có kế hoạch an toàn tồn kho, không để thiếu thuốc sử dụng. Nhóm loại I (AN) chiếm tỉ trọng cao nhưng không quan trọng, nên lựa chọn những phác đồ điều trị có hiệu lực tương đương nhưng giá thành rẻ hơn sẵn có trong danh mục và cần thiết loại bỏ khi xây dựng danh mục thuốc. Một số mặt hàng thuốc nhóm loại III (CN) có thể xem xét loại bỏ khỏi danh mục thuốc bệnh viện mà không ảnh hưởng đến chất lượng điều trị.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đề tài nghiên cứu - Đánh giá tình hình sử dụng thuốc qua phân tích ABC, VEN tại Bệnh viện Quân dân y tỉnh Sóc Trăng (từ Quý 2/2018 – Quý 1/2019).
2. Đề tài nghiên cứu - Đánh giá tình hình sử dụng thuốc qua phân tích ABC, VEN tại Bệnh viện Quân dân y tỉnh Sóc Trăng (từ tháng 9/2022 – tháng 8/2023).